**BÀI SOẠN MÔN HÓA 9 (LẦN 2)**

**Bài 40 DẦU MỎ VÀ KHÍ THIÊN NHIÊN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần học sinh ghi bài vào tập** | **Phần hướng dẫn, giải thích thêm của giáo viên** |
| **I. Dầu mỏ** (25phút)  1. **Tính chất vật lí**  Dầu mỏ là chất lỏng, sánh, màu nâu đen, không tan trong nước, nhẹ hơn nước.  2. **Trạng thái tự nhiên, thành phần của dầu mỏ**  Mỏ dầu thường có 3 lớp: khí mỏ dầu, lớp dầu lỏng, lớp nước mặn.  \* Cách khai thác:  - Khoan những lổ khoan xuống lớp dầu lỏng.  - Ban đầu dầu tự phun lên, về sau người ta phải bơm nước hoặc khí xuống để đẩy dầu lên.  3.**Các sản phẩm chế biến dầu mỏ**  - Xăng.  - Dầu thắp.  - Dầu điezen.  - Dầu mazut.  - Nhựa đường.  **II.** **Khí thiên nhiên** (5phút)  - Có trong các mỏ khí nằm dưới lòng đất.  - Khí thiên nhiên là nhiên liệu, nguyên liệu trong đời sống và trong công nghiệp.  III**. Dầu mỏ và khí thiên nhiên ở Việt Nam** |  |

**Bài 41**  **NHIÊN LIỆU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần học sinh ghi bài vào tập** | **Phần hướng dẫn, giải thích thêm của giáo viên** |
| I / **Nhiên liệu là gì?**  - Nhiên liệu là những chất cháy được, khi cháy toả nhiệt và phát sáng.  - Nhiên liệu có vai trò quan trọng trong đời sống và sản xuất  **II/ Phân loại**  1. **Nhiên liệu rắn:** than mỏ, than gỗ.  2. **Nhiên liệu lỏng**: gồm các sản phẩm chế biến từ dầu mỏ: xăng, dầu hoả, rượu.  3. **Nhiên liệu khí**: khí thiên nhiên, khí lò cốc, khí lò cao, khí than.  **III. Sử dụng nhiên liệu** : phải đảm bảo các yêu cầu sau:  - Cung cấp đủ oxi cho quá trình cháy.  - Tăng diện tích tiếp xúc của nhiên liệu để duy trì sự cháy ở mức độ cần thiết phù hợp với nhu cầu sử dụng nhằm tận dụng nhiệt lượng do sự cháy tạo ra. | than củi, dầu hoả, khí gaz...  các chất trên đều cháy, toả nhiệt và phát sáng  gọi là chất đốt hay nhiên liệu  có 3 loại: rắn, lỏng, khí.  đặc điểm của các loại than gầy, than bùn, than mỡ, than gỗ.  Hướng dẫn HS xem biểu đồ 4.21, 4.22.  các nhiên liệu lỏng : xăng, dầu, cồn…  Chúng ta phải sử dụng nhiên liệu cho hiệu quả. Nếu nhiên liệu cháy không hoàn toàn sẽ vừa gây lãng phí, vừa làm ô nhiểm môi trường.  Sử dụng nhiên liệu hiệu quả là làm thế nào để nhiên liệu cháy hoàn toàn đồng thời tận dụng được nhiệt lượng do quá trình cháy tạo ra. |

***Chương V***  **DẪN XUẤT CỦA HIDROCACBON**

**Bài 44RƯỢU ETYLIC**

**Công thức phân tử: C2H6O**

**Phân tử khối : 46**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần học sinh ghi bài vào tập** | **Phần hướng dẫn, giải thích thêm của giáo viên** |
| I**. Tính chất vật lí**  - Là chất lỏng không màu, nhẹ hơn nước, tan vô hạn trong nước.  - Sôi ở 78,30C.  - Hoà tan được nhiều chất như iôt,  benzen.  \* Độ rượu là số ml rượu etilic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.  II. **Cấu tạo phân tử**  │ │  — C — C — OH  │ │    CH3 — CH2 — OH  Phân tử rượu có nhóm OH. Chính nhóm OH làm cho rượu có tính chất đặc trưng.  III. **Tính chất hoá học**  1. Phản ứng cháy  C2H5OH + 3O2  2CO2 + H2O  2. Phản ứng với natri  2C2H5OH +2Na 2C2H5ONa + H2  3.Phản ứng với axit axetic  CH3COOH+C2H5OHCH3COOC2H5­  + H2O  IV.**Ứng dụng**  Rượu etilic được dùng làm nhiên liệu, nguyên liệu, dung môi.  **V.** **Điều chế**  - Chất bột (đường)  rượu  - C2H4 + H2O  C2H5OH | cho HS làm thí nghiệm đốt rượu (cồn), yêu cầu HS quan sát màu ngọn lửa C2H5OH cháy với ngọn lửa màu xanh, không khói, toả nhiều nhiệt. |

**Bài 45** **AXIT AXETIC**

**Công thức phân tử C2H4O­2**

**Phân tử khối: 60**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần học sinh ghi bài vào tập** | **Phần hướng dẫn, giải thích thêm của giáo viên** |
| **I Tính chất vật lí**  Axit axetic là chất lỏng không màu, vị chua, tan vô hạn trong nước.  **II Công thức cấu tạo**    H O  │  H — C — C Viết gọn CH3 COOH  │ O — H  H  Trong phân tử axit axetic có nhóm  –COOH, nhóm này làm cho phân tử có tính axit.  **III. Tính chất hoá học**  1. Tính axit  Axit axetic là một axit hữu cơ, có tính chất hoá học của một axit yếu.  - Làm quì tím đổi màu thành đỏ.  - Tác dụng với dd Na2CO3:  2CH3COOH + Na2CO3  2CH3COONa  + H2O + CO2  -Tác dụng với dd NaOH:  CH3COOH+NaOH CH3COONa + H2O    2/ Tác dụng với rượu etilic(pư este hoá)  CH3COOH+C2H5OHCH3COOC2H5­  + H2O  **IV. Ứng dụng**  Làm nguyên liệu để điều chế dược phẩm, phẩm nhuộm, thuốc diệt côn trùng, tơ nhân tạo, pha giấm ăn…  **V. Điều chế**  - Trong công nghiệp  2C4H10 +5O2  4CH3COOH + 2H2O  - Làm giấm ăn  C2H5OH+O2CH3COOH+ H2O | thực tế là giấm ăn  Chính H trong nhóm – COOH làm cho phân tử có tính axit.  H2SO4đặc là chất xúc tác.  CH3COOC2H5 este  Etyl axetat |

**Bài 46 MỐI LIÊN HỆ GIỮA ETILEN,**

**RƯỢU ETILIC VÀ AXIT AXETIC**

**I. Sơ đồ liên hệ giữa etilen, rượu etilic và axit axetic**

Etilen  ruợu etilic  axit axetic  etyl axetat

C2H4 + H2O  C2H5OH

C2H5OH + O2  CH3COOH + H2O

CH3COOH+C2H5OH  CH3COOC2H5 + H2O